

Số: 112/2020/QĐST – HNGĐ

G, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2020/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn T, xã V, huyện T, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 5 Phương Đông, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn P và chị Vũ Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn P và chị Vũ Thị T đều xác định có một con chung. Cháu tên là Phạm Đan T, sinh ngày 03/01/2012. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Phạm Đan T cho chị Vũ Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung:

Anh Phạm Văn P và chị Vũ Thị T đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung.

2.3. Về án phí: Anh Phạm Văn P nhận nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2019/0000165 ngày 10/11/2020. Trả lại cho anh P số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án DS huyện GV;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q